

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 43/2023/DS-PT

Ngày 25 - 4- 2023

“V/v Tranh chấp về phường,
hội”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ph

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng V

Bà Nguyễn Thị Thu T

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Viết Ng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 109/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về phường, hội”.

Do Bản án Dân sự phúc thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2023/QĐXX-PT ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1968; nơi cư trú: Xóm Mậu 5, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm Mậu 4, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm Mậu 6, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 6 – Bộ công an). Đề nghị vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm Mậu 4, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm 1950; nơi cư trú: Xóm Mậu 3, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm Mậu 6, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Từ tháng 10/2012 đến ngày 12/7/2013 (âm lịch), bà V tham gia một số dây phường do bà Trần Thị Ph làm chủ phường. Phường do bà Ph làm chủ là phường có lãi, người tham gia phường mua phường bằng hình thức bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó bắt được phường; chủ phường được trích 01% hoa hồng để ghi chép sổ sách, thu tiền phường từ các thành viên và giao tiền phường cho thành viên mua được phường; đến ngày 12/7/2013, bà Ph tuyên bố dừng phường. Bà V tham gia gồm 06 dây phường, đã bắt được 02 dây cụ thể:

02 dây phường (1-2), nộp tiền phường mỗi tháng 03 lần, vào ngày 06, 16, 20 hàng tháng; dây 1 loại 300.000 đồng; có 30 suất tham gia; nộp tiền lần đầu ngày 16/10/2011, lần cuối ngày 06/7/2013, bà V tham gia 03 suất, đã nộp 27 lần số tiền 24.300.000 đồng; dây 2 loại 1.000.000 đồng; có 30 suất tham gia; nộp tiền lần đầu ngày 16/8/2012, lần cuối ngày 06/7/2013, bà V tham gia 01 suất, đã nộp 11 lần số tiền 11.000.000 đồng;

- 02 dây phường (3-4), nộp tiền phường mỗi tháng 02 lần, vào ngày 08, 24 hàng tháng; dây 3 loại 5.000.000 đồng, có 30 suất tham gia, nộp tiền lần đầu ngày 08/3/2013, lần cuối ngày 08/7/2013, bà V tham gia 01 suất, đã nộp 09 lần số tiền 45.000.000 đồng; dây 4 loại 1.000.000 đồng, có 30 suất tham gia, nộp tiền lần đầu ngày 08/3/2013, lần cuối ngày 08/7/2013, bà V tham gia 01 suất, đã nộp 09 lần số tiền 9.000.000 đồng;

- 02 dây phường (5-6), nộp tiền phường mỗi tháng 02 lần, vào ngày 12, 26 hàng tháng; dây 5 loại 2.000.000 đồng, có 30 suất tham gia, nộp tiền lần đầu ngày 26/9/2012, lần cuối ngày 12/7/2013, bà V tham gia 01 suất, đã nộp 20 lần; bà V đã mua phường 43.520.000 đồng; dây 6 loại 1.000.000 đồng, có 14 suất tham gia, nộp tiền lần đầu ngày 26/9/2012, lần cuối ngày 12/7/2013, bà V tham gia 02 suất, đã nộp 19 lần; bà V đã mua phường, âm phường 140.000 đồng.

Bà V tham gia 06 dây phường, đã bắt 02 dây phường 5-6. Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2017, bà V yêu cầu bà Ph phải trả lại cho bà V 95.000.000 đồng (không yêu cầu tiền lãi) là số tiền sau khi trừ số tiền lãi bà V được nhận từ việc các con phường mua trúng phường, số tiền bà V đã nhận tiền phường; số tiền phường thực tế bà V đã nộp và chưa được nhận lại tại phường bà Ph.

Tại Bản tự khai và quá trình tố tụng, bà V thống nhất bà Ph còn nợ bà V số tiền 51.450.000 đồng theo 04 dây phường 1,2,3,4 (tổng số tiền các dây là 89.300.000 đồng, số tiền âm phường là 140.000 đồng, số tiền lãi bà V đã nhận là 35.210.000 đồng, số tiền bà Ph trả dần là 2.500.000 đồng). Bà V không đồng ý với yêu cầu của bà Ph về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, chị Lê Thị S, chị Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng Tr phải chịu trách nhiệm trả tiền phường cho bà. Vì vậy, theo bà V, khi tham gia phường do bà Ph làm chủ phường, bà V chỉ nộp tiền cho bà Ph và nhận tiền phường tại bà Ph, bà V không biết những người đó có tham gia phường tại bà Ph hay không. Sau khi dừng phường, bà V đã có giấy chốt nợ tiền phường với bà Ph.

Bị đơn là bà Trần Thị Ph trình bày:

Bà Ph thừa nhận bà V tham gia 06 dây phường từ tháng 10/2011 đến ngày 12/7/2013, bà V đã nộp tổng số tiền 152.820.000 đồng, cụ thể các dây phường như bà V trình bày tại bản tự khai ngày 14/6/2017, bà Ph và bà V thống nhất phường bà Ph làm chủ còn nợ bà V số tiền 51.450.000 đồng nhưng bà Ph không đồng ý trả nợ bà V. Vì bà Ph không vay bà V mà là phường viên nợ bà V, bà Ph đề nghị đưa những người L quan còn nợ tiền phường chưa nộp cho bà Ph vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan gồm: bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, chị Lê Thị S, chị Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng Tr để buộc những người này có trách nhiệm trả nợ cho bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng Tr trình bày:

Các bà thừa nhận có tham gia phường do bà Ph là chủ phường. Quá trình tham gia phường, các bà đóng tiền và nhận tiền từ chủ phường là bà Ph, không giao dịch, không biết các con phường khác; các bà không nhớ rõ tổng số tiền các bà đã đóng, đã bỏ ra mua phường. Hiện bà S xác nhận còn nợ tại phường của bà Ph là 533.493.000 đồng; bà L nợ 177.562.000 đồng; bà Tr nợ 468.000.000 đồng; các bà không đồng ý với yêu cầu của bà Ph về việc trả tiền cho các thành viên khác trong đó có bà V; khi trả tiền, các bà sẽ trả tiền cho bà Ph.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 17/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng V; buộc bà Trần Thị Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền phường còn nợ là 51.450.000 đồng, không tính lãi suất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2018, bà Trần Thị Ph kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 17/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 100/2019/DS-PT ngày 06/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Ph. Sửa Bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Không chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng V về việc buộc bà Trần Thị Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền phường còn nợ 51.450.000 đồng, không tính lãi suất.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 20/10/2020, bà Nguyễn Thị Hồng V có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/2022/KN-DS ngày 24/5/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 100/2019/DS-PT ngày 06/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 68/2022/DS-GĐT ngày 19/8/2022 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/2022/KN-DS ngày 24/5/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 100/2019/DS-PT ngày 06/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về vụ án “Tranh chấp phường hội” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V với bị đơn là bà Trần Thị Ph; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, chị Trần Thị Hồng L. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù vắng mặt nhưng bị đơn bà Trần Thị Ph giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, bị đơn bà Trần Thị Ph là người kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt các bên đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng V, buộc bà Trần Thị Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền phường còn nợ là 51.450.000 đồng, không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V và bị đơn bà Trần Thị Ph (bà Ph là người kháng cáo) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm; tại Tòa án cấp phúc thẩm, mặc dù vắng mặt nhưng bà Nguyễn Thị Hồng V và bà Trần Thị Ph đều xác định và thừa nhận: Từ tháng 10/2012 đến ngày 12/7/2013, bà Nguyễn Thị Hồng V tham gia 06 dây phường do bà Trần Thị Ph làm chủ là phường có lãi, hình thức mua bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó bắt được phường; chủ phường được trích 01% hoa hồng để ghi chép sổ sách, thu tiền phường từ các thành viên và giao tiền phường cho thành viên mua được phường. Ngày 12/7/2013, bà Ph tuyên bố dừng phường; bà V xác định đã nhận

02 lần phường, số tiền 04 dây phường chưa được nhận là 89.300.000 đồng, tiền phường chưa nộp là 140.000 đồng, tiền lãi phường đã nhận là 35.210.000 đồng và số tiền bà Ph đã trả là 2.500.000 đồng, số tiền phường bà Ph còn nợ bà là 51.450.000 đồng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Ph: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà Trần Thị Ph thừa nhận Bảng kê về các khoản nợ do chơi phường mà bà V xuất trình là do bà Ph, bà V thống nhất xác nhận phường còn nợ bà V là 51.450.000 đồng. Nhưng bà Ph cho rằng số tiền này là do các con phường khác đang nợ bà Ph, nên bà Ph yêu cầu Tòa án đưa các bà Nguyễn Thị Hồng Tr, chị Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh vào tham gia tố tụng trong vụ án để buộc những người này có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng V. Thấy rằng: Căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ thì, chủ họ (Phường) là người tổ chức họ thu các phân họ và giao các phân họ đó cho các thành viên được lĩnh họ trong mỗi kỳ mở họ cho đến khi kết thúc họ. Các dây phường (họ) do bà Ph làm chủ là phường (Họ) có lãi, phường (Họ) hưởng hoa hồng (Bà Ph được hưởng 1% hoa hồng). Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định thì bà Ph là chủ phường (Họ) có trách nhiệm thu phân họ của các thành viên góp họ để giao cho người lĩnh họ. Bà Ph được hưởng 1% số tiền lãi mà người mua được phường trả và có nghĩa vụ thu tiền phường của các thành viên chơi phường để trả cho người trúng phường. Mặt khác, bà Ph và những người tham gia chơi phường gồm, bà Nh, bà S, bà L, bà Tr... cũng xác định, các thành viên trong các dây phường do bà Ph làm chủ không hoàn toàn quen biết nhau; bà Ph và các thành viên khác cũng không có thỏa thuận nào khác mà chỉ thông qua bà Ph để nộp và nhận phường. Hơn nữa, bà Trần Thị Ph cũng xác định phường còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng V 51.450.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V tổng số tiền 51.450.000 đồng là có căn cứ.

Trường hợp bà Ph có căn cứ chứng minh những người tham gia chơi phường khác còn nợ tiền phường do bà Ph làm chủ phường thì bà Ph có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật nên không làm mất quyền khởi kiện của bà Trần Thị Ph.

Từ những nội dung phân tích, đánh giá nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ph, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Trần Thị Ph không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ph; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0003698 ngày 08/8/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ph

